

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 17-01-2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Hảo

- Bà Trần Thị Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 198/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 814/2021/QĐST-DS ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số x, ấp y, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thủy T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Đường x, tổ 2, Khu phố y, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2020).

* ***Bị đơn:*** Bà Trần Thanh V, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 93, ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 416C, ấp 3, xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Ngô Thủy T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Đường x, tổ 2, Khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Theo Giấy ủy quyền ngày 22/10/2020).

(Bà T có mặt, bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn bà Ngô Thủy T trình bày:

Do có quen biết từ trước nên bà Phạm Thị Lệ T có cho bà Trần Thanh V vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 17/10/2019, cho bà V vay số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 31/10/2019, cho bà V vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 15/11/2019, cho bà V vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 25/11/2019, cho bà V vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 02/12/2019, cho bà V vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 10/12/2019, cho bà V vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 18/12/2019, cho bà V vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 11/01/2020, cho bà V vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Tiếp đó, thêm 02 lần nữa bà T có cho bà V vay số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền mà bà V vay là 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Các lần vay tiền, bà V có ghi “Giấy vay tiền” và giao cho bà T giữ, các bên không thỏa thuận lãi suất, vay không thời hạn, khi bà T cần tiền thì báo trước cho bà V. Từ khi vay đến nay, bà V chưa trả cho bà T được số tiền nào.

Ngày 30/6/2020, bà T đã gửi Thông báo yêu cầu trả nợ vay cho bà V, đến ngày 07/7/2020, bà V đã nhận được thông báo này theo Phiếu báo phát của Bưu điện Việt Nam. Nội dung thông báo đã nêu rõ: “Từ tháng 10/2019 đến tháng 01/2020, tôi có cho bà Trần Thanh V vay số tiền là 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng). Việc cho vay không tính lãi suất và không yêu cầu thế chấp, cầm cố gì. Nay do tôi có nhu cầu cần tiền để giải quyết việc gia đình nên tôi đề nghị bà V sắp xếp trả cho tôi số tiền là 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng) mà trước đây bà đã vay của tôi. Nếu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này, bà không trả cho tôi số tiền trên thì tôi sẽ làm

thủ tục khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để yêu cầu xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.”

Sau khi quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày bà V nhận được thông báo, dù bà T nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà V vẫn không trả số tiền vay trên cho bà T. Nhận thấy, bà Trần Thanh V không có thiện chí trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là vi phạm nghĩa vụ như hai bên thỏa thuận nên bà T đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu buộc bà V trả lại cho nguyên đơn số tiền là: 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại “Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện” đề ngày 17/01/2022 và tại phiên tòa, bà Ngô Thủy T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 710.000.000 đồng tại: Giấy vay tiền các ngày 17/10/2019 với số tiền là 150.000.000 đồng; ngày 31/10/2019, số tiền là 50.000.000 đồng; ngày 15/11/2019, số tiền là 50.000.000 đồng; ngày 02/12/2019, số tiền là 50.000.000 đồng; Ngày 10/12/2019, số tiền là 50.000.000 đồng; ngày 18/12/2019, số tiền là 50.000.000 đồng; ngày 11/01/2020, số tiền là 100.000.000 đồng; Giấy vay tiền không đề ngày, tháng, năm với số tiền là 60.000.000 đồng và Giấy vay tiền không đề ngày, tháng, năm với số tiền 150.000.000 đồng.

Bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thanh V phải có nghĩa vụ trả cho bà T và ông Huỳnh Minh H số tiền 50.000.000 đồng tại Giấy vay tiền ngày 25/11/2019.

Bị đơn bà Trần Thanh V: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không thực hiện và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có lời khai.

Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh H là bà Ngô Thủy T trình bày: Số tiền bà Phạm Thị Lê T cho bà Trần Thanh V vay là khoản tiền chung của cả hai vợ chồng ông trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về thủ tục tố tụng:
- + Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;
- + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;
- + Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;
- + Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.
- + Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự: chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thanh V có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Lệ T số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 710.000.000 đồng tại: Giấy vay tiền các ngày 17/10/2019 với số tiền 150.000.000 đồng; ngày 31/10/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 15/11/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 02/12/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 10/12/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 18/12/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 11/01/2020, số tiền 100.000.000 đồng; Giấy vay tiền không đề ngày, tháng, năm với số tiền 60.000.000 đồng và Giấy vay tiền không đề ngày, tháng, năm với số tiền 150.000.000 đồng.

+ Án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã đóng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Phạm Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thanh V phải trả số tiền 760.000.000 đồng theo các Giấy vay tiền, số tiền này là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông Huỳnh Minh H; bà V có địa chỉ tại: Ấp 2, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; xác định bà Phạm Thị Lệ T là nguyên đơn, bà Trần Thanh V là bị đơn, ông Huỳnh Minh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[2] Bà Trần Thanh V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

*** Về nội dung vụ án:**

[3] Bà Trần Thanh V là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Tại “Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện” đề ngày 17/01/2022 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thủy T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 710.000.000 đồng tại: Giấy vay tiền các ngày 17/10/2019 với số tiền 150.000.000 đồng; ngày 31/10/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 15/11/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 02/12/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 10/12/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 18/12/2019, số tiền 50.000.000 đồng; ngày 11/01/2020, số tiền 100.000.000 đồng; Giấy vay tiền không đề ngày, tháng, năm với số tiền 60.000.000 đồng và Giấy vay tiền không đề ngày, tháng, năm với số tiền 150.000.000 đồng. Việc rút đơn này là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đương sự đã rút.

[5] Đối với “Giấy vay tiền” ngày 25/11/2019:

Bà Phạm Thị Lệ T khẳng định giữa bà và bà Trần Thanh V có hợp đồng vay tài sản, thể hiện tại “Giấy vay tiền” đề ngày 25/11/2019. Giấy vay tiền này do bà V là người trực tiếp viết, ký tên và đưa cho bà T giữ. Bà T đã yêu cầu trả nợ nhiều lần; phát văn bản Thông báo trả nợ cũng như đã yêu cầu Tòa án ban hành Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú để thông báo cho bà V biết về việc vụ án đang được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý và giải quyết nhằm mục đích yêu cầu bà V phải có trách nhiệm trả khoản nợ đã vay. Ngày 19/5/2021, Tòa án cũng đã ban hành thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ đối với bà V nhưng hết thời hạn theo thông báo, bà Trần Thanh V vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao nộp tài liệu, chứng cứ. Như vậy, cho thấy bà Trần Thanh V đã cố tình trốn tránh trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với khoản tiền đã vay của bà Phạm Thị Lệ T.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ

Hai bên có làm giấy vay tiền, không thời hạn, không thỏa thuận lãi suất, vì vậy xác định đây là hợp đồng vay tiền không có thời hạn và không có lãi suất. Nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ báo trước, thể hiện ở việc: ngày 30/6/2020, bà T đã thông báo cho bà V về thời hạn lấy lại tiền. Từ khi vay đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm bà V chưa trả được cho bà T số tiền nợ gốc, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi giữa các bên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở xem xét. Căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà Trần Thanh V phải trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng tại Giấy vay tiền ngày 25/11/2019.

[7] Về nợ lãi: Bà Phạm Thị Lệ T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do tại phiên tòa bà Trần Thanh V vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất do chậm nghĩa vụ trả tiền, căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất do chậm thực

hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[9] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của bà Phạm Thị Lệ T được chấp nhận nên bà Trần Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí bà V phải chịu là: $5\% \times 50.000.000 \text{ đồng} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Do một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

10] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 3 Điều 144, các Điều 147, 218, 227, 235, 238, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ T về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

1.1 Buộc bà Trần Thanh V phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Lệ T và ông Huỳnh Minh H số tiền nợ gốc là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng tại Giấy vay tiền ngày 25/11/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lệ T về việc buộc bà Trần Thanh V phải trả số tiền 710.000.000 đồng tại:

Giấy vay tiền các ngày 17/10/2019 với số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); ngày 31/10/2019, số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ngày 15/11/2019, số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ngày 02/12/2019, số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Ngày 10/12/2019, số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ngày 18/12/2019, số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ngày 11/01/2020, số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Giấy vay tiền không đề ngày, tháng, năm với số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và Giấy vay tiền không

đề ngày, tháng, năm với số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Đương sự có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ, việc dân sự theo quy định pháp luật.

[2] Án phí: Bà Trần Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.500.000 đồng.

Hoàn trả bà Phạm Thị Lệ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.200.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0003419 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung

